

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST  
Ngày 19-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Anh Tiến

Ông Lê Thanh Nhất

**- Thư ký phiên toà:** Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:**  
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn C**, sinh ngày 04/9/1994 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ không xác định, bố dượng ông Nguyễn Ngọc L, con bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Không; tiền sự: Không;

Tiền án có 01: Bản án số 18/2016/HSST ngày 21/3/2016, Toà án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. C chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2016, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án, đến nay chưa được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 25/5/2022, tạm giam ngày 26/5/2022 (có mặt);

**2. Vũ Văn T**, sinh ngày 14/7/1997 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Kim T và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Phạm Ngọc Linh (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2019; tiền sự: Không;

Tiền án có 01: Bản án số 18/2016/HSST ngày 21/3/2016 của Toà án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án số

40/2016/HSPT ngày 22/7/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án, đến nay chưa được xoá án tích.

Nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 13/QĐ-TA ngày 31/10/2019, Toà án nhân dân huyện Lập Thạch đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. T chấp hành xong ngày 16/12/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/7/2022 (có mặt);

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:* Ông Lê Văn D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- *Bị hại:*

+ Anh Tạ Minh C, sinh năm 1998; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1998; trú tại: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000; trú tại: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong các ngày 05/12/2018 và 23/02/2019, Nguyễn Văn C đã thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cùng với Vũ Văn T thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 12/2018, C đến nhà anh Nguyễn Thế H chơi. Đến sáng ngày 05/12/2018 thì gặp anh Nguyễn Văn T ở cùng xã với anh H cũng đến chơi. Khoảng 13h30' cùng ngày, C bảo về nhà tắm giặt và rủ anh H và anh T đi cùng. Sau đó, anh H điều khiển xe máy biển kiểm soát 88D1-163.18 chở C và anh T đi đến xã N. Khoảng 10 phút sau, khi đến cây xăng thuộc thôn N, xã N, C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy, điện thoại của anh H và anh T nên hỏi mượn xe máy biển kiểm soát 88D1-163.18 anh H đang điều khiển và điện thoại di động Samsung J7 của T. Nghĩ C mượn một lúc sẽ trả nên anh H và anh T đồng ý cho C mượn và ngồi đợi ở quán nước. Sau khi có được xe máy và điện thoại C đi thẳng đến huyện B cầm cố cho một người đàn ông tên H gặp ở đường được số tiền 3.300.000đồng và tiêu xài một mình hết.

Kết luận định giá số 527/KL-HĐĐG ngày 30/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận xe mô tô biển kiểm soát 88D1-163.18 trị giá 7.000.000đồng, điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 1.200.000đồng.

Vụ thứ hai: Buổi tối ngày 23/02/2019 C và T đang đi chơi cùng nhau ở xã V, huyện L thì T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu sài nên bàn với C và được C đồng ý, T gọi điện rủ anh Tạ Minh C ở cùng thôn đến chơi nhưng mục đích để lừa lấy xe máy của anh C. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh C một mình đi xe máy biển kiểm soát 88D1-312.43 đến xã V gặp T và C rồi cả ba cùng nhau đi đến nhà văn hoá thôn X, xã X chơi. Tại đây, C bảo T chờ để anh C chở C đi mua nước, mục đích để tìm cơ hội lừa anh C. Khi đến gần nhà nghỉ, karaoke 88 thuộc thôn M, xã V, C nói dối anh C cho mượn xe đi có việc một lúc, anh C tin tưởng nên đồng ý đưa xe máy cho C và đứng chờ. Sau khi lừa được xe máy của anh C, C quay lại nhà văn hoá thôn X, xã X đón T đi đến quán cầm đồ của chị Vũ Thị N, sinh năm 1991 ở xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cố chiếc xe cho chị N được 4.500.000đồng. C chia cho T 1.000.000đồng còn giữ lại 3.500.000đồng, C và T bỏ trốn tiêu sài hết. Sau khi biết C và T cầm cố xe tại quán của chị N, anh C đã đến chuộc lại xe rồi giao nộp cho cơ quan Công an. Đến ngày 25/5/2022, C ra đầu thú, ngày 20/7/2022, cơ quan điều tra triệu tập được T đến làm việc.

Kết luận định giá số 253/KL-HĐĐG ngày 19/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận trị giá của chiếc xe mô tô C, T chiếm đoạt của anh C là 8.500.000đồng.

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-312.43 là tài sản của anh Tạ Minh C, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C; 01 xe mô tô biển kiểm soát 88D1-163.18 của anh Nguyễn Thế H, 01 chiếc điện thoại samsung J7 của anh Nguyễn Văn T, C đã cầm cố cho đối tượng H ở huyện B hiện không thu giữ được, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra C và T đã nhờ gia đình bồi thường cho anh C số tiền 5.000.000đồng. Đến nay anh C không yêu cầu ai phải bồi thường gì. Gia đình C và T tự nguyện không yêu cầu C và T trả lại số tiền đã bồi thường.

Anh Nguyễn Thế H yêu cầu C bồi thường trị giá chiếc xe là 3.500.000đồng, anh Nguyễn Văn T yêu cầu C bồi thường trị giá chiếc điện thoại là 1.200.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C và Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 31/8/2022, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn T đã

khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn C và Vũ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C từ 21 đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo C bồi thường cho anh H 3.500.000đồng, bồi thường cho anh T là 1.200.000đồng.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại anh Nguyễn Thế H trình bày: Sau khi anh bị C lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô, đến nay vẫn chưa bồi thường gì cho anh, anh đề nghị bị cáo C phải bồi thường cho anh giá trị chiếc xe là 3.500.000đồng và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị L trình bày: Sau khi bị cáo T cùng bị cáo C lừa bán chiếc xe mô tô của anh C thì bị cáo T, C đã bảo các bà đem tiền sang trả cho anh C. Sau đó các bà cùng nhau đem 5.000.000đồng để bồi thường cho anh C. Nay các bà không yêu cầu bị cáo T và C phải trả lại các bà số tiền trên.

Bị cáo Nguyễn Văn C nói lời sau cùng: Gia đình bị cáo là bản nông và bị cáo là lao động chính trong gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Vũ Văn T nói lời sau cùng: Lân phạm tội này, bị cáo biết là mình sai, sau khi phạm tội bị cáo đã nhờ gia đình khắc phục hậu quả. Nay bị cáo ăn năn và hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản .... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định:

Do cần tiền để tiêu xài cho bản thân, bị cáo Nguyễn Văn C một mình đã thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cùng với Vũ Văn T thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 05/12/2018, tại khu vực cây xăng thuộc thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, C nói dối anh Nguyễn Thế H và anh Nguyễn Văn T là phải đi có việc để anh H cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 88D1-163.18, anh T cho mượn điện thoại di động Sam sung J7. Sau khi có được xe mô tô và điện thoại, C điều khiển xe thẳng đến huyện B để cầm cố xe mô tô và điện thoại lấy tiền ăn tiêu. Trị giá xe mô tô biển kiểm soát 88D1-163.18 là 7.000.000đồng, điện thoại di động Sam sung J7 là 1.200.000đồng.

Vụ thứ hai: Buổi tối ngày 23/02/2019, Vũ Văn T rủ và được Nguyễn Văn C đồng ý lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Tạ Minh C. Nền khoảng 20 giờ 15 phút tại khu vực gần nhà nghỉ, karaoke 88 thuộc thôn Mc, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, C nói dối anh C là phải đi có việc để anh C cho mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-312.43, sau khi có được xe mô tô C đón T rồi cả hai đi cầm cố chiếc xe trên và cùng nhau ăn chia hết. Trị giá xe mô tô biển kiểm soát 88D1-312.43 là 8.500.000đồng.

Hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản do các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn T thực hiện đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là thanh niên có sức khỏe, nhưng các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện, mà ăn chơi đua đòi chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền ăn tiêu. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn C là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu làm ăn lương thiện mà lao vào con đường phạm tội, bị cáo thực hiện hai hành vi lừa đảo, một vụ do bị cáo một mình thực hiện, một lần bị cáo thực hiện cùng bị cáo T; bản

thân bị cáo có 01 tiền án đó là ngày 21/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã P (nay là thành phố P) xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đến nay chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm theo quy định tại các điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Văn T là người khởi xướng và cùng bị cáo C thực hiện 01 hành vi lừa đảo tài sản của anh C; bản thân bị cáo có 01 tiền án đó là ngày 21/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đến nay chưa được xóa án tích. Nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù một thời gian phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bản thân các bị cáo không có việc làm, không có tài sản gì nên không cần thiết phải phạt bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh C sau khi bị các bị cáo lừa chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-312.43 đã chuộc lại được chiếc xe này, đến nay đã được bồi thường 5.000.000đồng và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Thế H yêu cầu bị cáo C phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô 3.500.000đồng và được bị cáo C đồng ý, việc tự thỏa thuận này là tự nguyện và đúng quy định nên cần chấp nhận để ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Bị cáo C đồng ý bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 1.200.000đồng cho anh T nên cần buộc bị cáo C phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại cho anh T là 1.200.000đồng.

Số tiền 5.000.000đồng bà T, bà L bồi thường cho anh C, nay bà T, bà L tự nguyện không yêu cầu các bị cáo C, T phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 88D1-312.43 là tài sản của anh Tạ Minh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C là phù hợp.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7]. Đối với đối tượng tên H ở huyện B đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động và chiếc xe mô tô do bị cáo C chiếm đoạt của anh H và anh T, quá trình điều tra C khai khi cầm cố C không nói và H không biết xe và điện thoại do phạm tội mà có. Do C không xác định được cụ thể tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được.

Đối với chị Nguyễn Thị N đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô C và T lừa đảo của anh C, quá trình điều tra C và T khai khi cầm cố xe cho chị N, C nói là xe của C bị mất giấy tờ nên chị N không biết xe do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng chị N không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn C 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/5/2022.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/7/2022.

- Vấn đề dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 và 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thế H: Bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Thế H giá trị chiếc xe mô tô là 3.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T giá trị chiếc điện thoại là 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn C 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch và Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - Công an huyện Lập Thạch;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghĩa**